

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 371/2022/DS-ST

Ngày: 08-9-2022

V/v Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bền.
2. Ông Nguyễn Đức Duy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim A, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp LTh A, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tuấn Vĩnh Th, sinh năm 1973

Địa chỉ: số 508 PH, ấp BT A, xã TrA, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 30/6/2022)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khánh V, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp LTh A, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp LTh A, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(ông Th có mặt, anh V và bà Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 15 tháng 6 năm 2022, quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Tuấn Vĩnh Th trình bày như sau:

Vào ngày 10/01/2018, chị Phạm Thị Kim A có cho anh Nguyễn Khánh V vay số tiền 39.000.000đồng, không có lãi, phương thức trả mỗi tháng 2.000.000đồng, khi vay có làm biên nhận là Tờ cam kết do anh Nguyễn Khánh V viết và ký tên có ông Nguyễn Văn Bé B làm chứng. Nội dung biên nhận tuy viết là mượn hụi nhưng thực chất là cho vay tiền trả dần mỗi tháng. Sau khi vay, anh V không trả cho bà Ảnh bất cứ khoản nào. Nay chị A khởi kiện yêu cầu anh V phải trả cho chị A số tiền là 39.000.000đồng, yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông Th đại diện cho chị A xác định anh V có trả cho chị A số tiền 8.600.000đồng, anh V còn nợ chị A số tiền vốn là 30.400.000đồng nên chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh V trả cho chị A số tiền vốn là 30.400.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Khánh V trình bày như sau:

Vào năm 2020, anh không nhớ chính xác thời gian, anh có vay của chị Phạm Thị Kim A số tiền 18.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Sau khi vay, anh có trả được 01 tháng tiền lãi và không có khả năng trả lãi tiếp nên xin trả dần. Sau đó, mẹ anh là bà Nguyễn Thị H đã trả cho chị A hết số nợ trên. Việc trả tiền không có làm giấy tờ. Nay, anh xác định anh không còn nợ chị A bất cứ khoản tiền nào nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 18 tháng 8 năm 2022, anh V trình bày như sau: Anh có vay tiền của chị A nhiều lần với lãi suất 10%/tháng, không nhớ bao nhiêu tiền. Do anh không trả tiền nên chị A hốt phần hụi 2.000.000đồng, chị A có trừ tiền nợ cũ và đưa anh thêm một khoản anh cũng không nhớ chính xác là bao nhiêu. Số tiền này không tính lãi, anh phải trả lại tiền nợ theo dây hụi mỗi tháng 2.000.000đồng. Tờ cam kết ngày 10/01/2018 do chị A viết và anh có ký tên nhưng

khi đó anh đã có uống rượu nên không đọc rõ nội dung. Việc này có anh Nguyễn Văn Bé B chứng kiến. Sau khi ký Tờ cam kết, anh có trả được số tiền 4.000.000đồng và có góp mỗi ngày 200.000đồng được 3.000.000đồng rồi ngưng. Do anh không trả được tiền tiếp, chị A đến thông báo với mẹ anh rằng anh còn nợ chị A số tiền 32.000.000đồng và yêu cầu mẹ anh trả tiền thay. Mẹ anh có hỏi anh, anh xác nhận có nợ nên mẹ anh có trả cho chị A số tiền 5.000.000đồng. Sau đó, anh và mẹ anh không có trả thêm khoản nào cho chị A. Việc trả tiền không có làm giấy tờ. Nay, qua yêu cầu của chị A, anh chỉ đồng ý trả số tiền 27.000.000đồng vì anh và mẹ anh đã trả số tiền 12.000.000đồng, không đồng ý trả lãi, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ. Anh xác định mẹ anh tên Nguyễn Thị Th không phải Nguyễn Thị H. Chị A tên thường gọi là Cúc.

* Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 8 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn Khánh V. Anh V học đến lớp 3 thì nghỉ nên không rành chữ, hay viết sai lỗi chính tả, bà không biết chữ viết và chữ ký của anh V như thế nào. Tờ cam kết ngày 10/01/2018 mà chị A nộp cho Tòa án bà không biết do ai viết và ký tên.

Trước năm 2018, anh V có vay của chị A số tiền 18.000.000đồng, anh V chỉ ăn chơi không lo làm ăn nên không có tiền trả, bà có đứng ra trả dùm cho anh V số tiền này và có nói với chị A sẽ không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay khác của anh V sau này. Sau năm 2018, chị A lại tiếp tục thông báo với bà là anh V vay của chị A số tiền 32.000.000đồng và chỉ trả được 4.000.000đồng, anh V không có khả năng trả tiếp nên chị A nói là sẽ không lấy lãi tiếp và yêu cầu bà trả tiền vốn thay cho anh V. Bà có hỏi anh V thì anh V cho biết có vay của chị A 32.000.000đồng, anh V đã trả được 7.000.000đồng (trong đó, một lần trả 3.000.000đồng và góp mỗi ngày 200.000đồng được tổng số tiền là 4.000.000đồng), lãi suất vay là 10%/tháng. Vì thương con, bà có trả cho chị A số tiền 5.000.000đồng. Sau đó, do dịch bệnh nên bà và anh V không có trả tiền cho chị A. Việc bà và anh V trả tiền không có làm giấy tờ gì.

Từ trước đến nay, bà chưa bao giờ nghe chị A hay anh V nói là có khoản nợ 39.000.000đồng. Anh V chỉ có nợ khoản nợ bà nêu như trên.

Nay bà xác định bà không có vay nợ của chị A, bà chỉ trả tiền cho khoản vay của anh V. Nay, qua yêu cầu khởi kiện của chị A về khoản vay này, tùy anh V quyết định. Đối với khoản vay 32.000.000đồng nêu trên, số tiền bà đã trả bà không yêu cầu gì.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Khánh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Khánh V trả cho chị A số tiền vốn là 30.400.000đồng, không tính lãi chậm trả, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A cho rằng bị đơn anh Nguyễn Khánh V có vay của nguyên đơn số tiền 39.000.000đồng theo Tờ cam kết ngày 10/01/2018, đã trả được 8.600.000đồng, còn nợ lại số tiền 30.400.000đồng nên yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 30.400.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Khánh V cho rằng anh có vay tiền của chị A nhưng không nhớ chính xác số tiền vay là bao nhiêu và anh có ký tên trong Tờ cam kết ngày 10/01/2018, anh và mẹ anh đã trả cho chị A được tổng số tiền là 12.000.000đồng nên chỉ còn nợ số tiền 27.000.000đồng và đồng ý trả số tiền này, xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy:

[2.1.1] Theo nội dung Tờ cam kết ngày 10/01/2018, anh V xác nhận đã hốt phần hui 2.000.000đồng với số tiền 39.000.000đồng và hứa sẽ đóng tiền hui cho chị A, thể hiện quan hệ giao dịch giữa chị A và anh V là hợp đồng góp hui. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự đều trình bày thống nhất anh V vay của chị A số tiền 39.000.000đồng và thỏa thuận phương thức trả

mỗi tháng 2.000.000đồng theo dây hụi. Như vậy, thực chất quan hệ giao dịch giữa chị A và anh V là hợp đồng vay tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giao dịch giữa chị A và anh V là hợp đồng vay tài sản, theo đó chị A là bên cho vay và anh V là bên vay.

[2.1.2] Tuy bị đơn trình bày không nhớ chính xác số tiền vay nhưng xác định đã trả 12.000.000đồng, còn nợ lại 27.000.000đồng cho thấy bị đơn đã thừa nhận số tiền vay bị đơn đã vay của nguyên đơn là 39.000.000đồng. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền vay là 39.000.000đồng nhưng không thống nhất nhau về số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại.

[2.1.2] Về số tiền đã trả, bị đơn cho rằng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 12.000.000đồng nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 8.600.000đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối của mình nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền 12.000.000đồng nên lời trình bày này của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, mặc dù bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn thừa nhận đã nhận của bị đơn số tiền 8.600.000đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn không phải chứng minh những nội dung nguyên đơn thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 8.600.000đồng là sự thật.

[2.1.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn là 30.400.000đồng.

[2.1.4] Xét thấy, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn, nay lại xin kéo dài thời hạn trả nợ là gây thiệt thòi cho quyền lợi của nguyên đơn và không được nguyên đơn chấp nhận nên yêu cầu trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất do anh V đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử và vấn đề bồi thường thiệt hại, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận bị đơn không phải trả tiền lãi chậm trả.

[3] Do các đương sự không có thỏa thuận về việc trả lãi nên lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi nguyên đơn có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với số tiền bà Nguyễn Thị Th đã trả cho chị A, bà Th không yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 244 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Khánh V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A số tiền 30.400.000đồng (ba mươi triệu bốn trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A có yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn anh Nguyễn Khánh V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Bị đơn anh Nguyễn Khánh V phải chịu 1.520.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A 1.472.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0020503 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Trúc